

Bản án số: 191/2022/KDTM-ST

Ngày 02-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim YẾN

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q

Trụ sở: Tầng X Tòa nhà C, đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật :

1/Ông Ngô Trường Đ – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

2/Ông Tôn Tích P – Chức vụ : Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền số 0104 ngày 20/4/2022) (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S

Trụ sở: đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1975, địa chỉ liên hệ: Số A đường số Y, phường K, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q có người đại diện hợp pháp là bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Năm 2019 Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q (viết tắt là Công ty Q) và Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S (viết tắt là công ty S) đã phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa là ổ cắm, công tắc điện...(theo hóa đơn GTGT số 0002797 ngày 28/5/2019 và 0003366 ngày 19/6/2019) tuy nhiên giữa hai bên chưa ký kết hợp đồng, phía công ty S còn nợ lại số tiền 131.335.124 đồng. Ngày 06/5/2020, Công ty Q và Công ty S có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 0605/HDMB/SEARETECH-QD.TEK/2020 theo đó Công ty Q cung cấp cho Công ty S hàng hóa là công tắc và ổ cắm để thực hiện dự án Ocean Gate với giá trị là 474.625.553 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã bàn giao hàng hóa đầy đủ cho Công ty S theo biên bản giao nhận hàng số 20003370 ngày 07/5/2020 và đã xuất hóa đơn GTGT số 0006526 ngày 07/5/2020. Ngày 05/5/2020 Công ty S đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Q để thanh toán tạm ứng đợt 1 là 268.664.876 đồng và công nợ của năm 2019 là 131.335.124 đồng. Thời hạn thanh toán đợt 2 là sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao hàng và xuất hóa đơn là ngày 07/6/2020 số tiền còn lại là 205.960.677 đồng, tuy nhiên Công ty S không thực hiện mặc dù Công ty Q nhiều lần yêu cầu thanh toán. Do đó nguyên đơn Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/4/2022 là 276.399.229 trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 205.960.677 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 70.438.522 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty S để trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng công ty S có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Huỳnh Thị Ngọc L là người đại diện hợp pháp của Nguyên trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc là 205.960.677 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình liên ngân hàng tại thời điểm tháng 11 năm 2022 là 10,85%/năm trên số tiền chậm trả đến ngày trả hết nợ, tạm tính từ ngày 07/6/2020 đến ngày 02/11/2022 là 53.815.832. Tổng cộng 211.802.989 đồng. Yêu cầu Bị đơn thanh toán theo đúng yêu cầu ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định

đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Công ty Q có đơn khởi kiện Công ty S yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng cung cấp ổ cắm, công tắc điện nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Công ty Q có địa chỉ trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Công ty Q có đơn khởi kiện Công ty S tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q do bà Huỳnh Thị Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty S nhưng người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn là ông Nguyễn Đình T có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc còn lại là 205.960.677 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ hợp đồng mua bán hàng hóa số 0605/HDMB/SEARETECH-QD.TEK/2020 ngày 06/5/2020 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Phân phối

Công nghệ Q và Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận hàng, bảng chi tiết công nợ phải thu khách hàng, công văn đề nghị thanh toán nợ thể hiện Công ty Q cung cấp cho Công ty S hàng hóa là công tắc và ổ cắm để thực hiện dự án Ocean Gate giá trị hàng hoá đã giao là 474.625.553 đồng, phía công ty S đã thanh toán số tiền là 268.664.876 đồng, còn nợ lại là 205.960.677 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Công ty S để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía công ty S không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hoá còn thiếu cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán là 53.815.832 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng số 0605/HDMB/SEARETECH-QD.TEK/2020 ngày 06/5/2020 hai bên thoả thuận trường hợp chậm thanh toán, việc bồi thường thiệt hại lãi suất chậm thanh toán là 0,05% của tổng giá trị thanh toán chậm trả trên mỗi ngày chậm trả. Tuy nhiên, phía Nguyên đơn không yêu cầu khoản tiền bồi thường do chậm trả mà yêu cầu tính lãi do Bị đơn chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm tháng 11 năm 2022 (Techcombank 11,25%, MBbank 12%, Vietcombank 9,3) là 10,85%/năm.

Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 07/6/2020 đến ngày 02/11/2022 là 53.815.832 đồng theo mức lãi suất 10,85%/năm là có lợi cho phía Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 53.815.832 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc 205.960.677 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 53.815.832 đồng, tổng cộng là 259.776.509 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 259.776.509 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy

quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q.

Buộc Bị đơn Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q số tiền 259.776.509 (Hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm lẻ chín) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 03/11/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh S phải chịu 12.988.825 (Mười hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Q số tiền 6.909.975 (Sáu triệu chín trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031629 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm